ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2517/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình: Đường Đất Sét – Bến Củi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ văn bản số 131/HĐND-KTNS ngày 24/10/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Đất Sét – Bến Củi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 194/TTr-SGTVT ngày 26/10/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đất Sét – Bến Củi và Kết quả thẩm định tại công văn số 30/TB-SGTVT ngày 26/10/2017 của Sở Giao thông Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đất Sét – Bến Củi, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đường Đất Sét - Bến Củi được xác định là một dự án trọng điểm của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế, tuyến đường kết nối giao thông giữa tỉnh Tây Ninh đi Bình Dương, TP.HCM, sân bay Long Thành và khu vực cảng biển Cái Mép - Thị Vải. Nên việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường là rất cần thiết, cần sớm hoàn thành đưa công trình vào sử dụng để phát huy hiệu quả kinh tế.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

4.1.Phạm vi đầu tư:

Tổng chiều dài tuyến (cả đường và cầu) 13.729,26m:

+ Điểm đầu tại Ngã ba Đất Sét (giao với đường ĐT.784);

+ Điểm cuối tại đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh.

4.2.Quy mô đầu tư:

- Tốc độ tính toán: 80Km/h.

- Tải trọng xe thiết kế: Tải trọng trục đơn 120KN.

- Moduyn đàn hồi yêu cầu: Eyc >= 170MPa.

- Tải trọng thiết kế cầu HL93 theo 22 TCN 272:05, tải trọng lề bộ hành 3x10-3Mpa.

- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: H30-XB80.

- Qui mô mặt đường gồm 02 đoạn sau:

+ **Đoạn 1:** từ ngã ba Đất Sét (Km0+00) đến điểm cuối đoạn chỉnh tuyến (Km6+752) dài 6,752km, mặt đường rộng bằng 15m, nền đường rộng 16m; Xây dựng mới cầu K8 BTCT-DUL tải trọng HL93 cách cầu cũ về phía hạ lưu 60m, với bề rộng toàn cầu B=16,0m.

+ **Đoạn 2:** từ điểm cuối đoạn chỉnh tuyến (Km6+752) đến cầu Bến Củi tỉnh Bình Dương (Km13+739,26) dài 6,987km, mặt đường rộng 11m, nền đường rộng 12m.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến.

6. Chủ nhiệm lập dự án: KS.Nguyễn Duy Chí.

7. Địa Điểm xây dựng: huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

8. Diện tích sử dụng đất: khoảng 238.775m².

9. Loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án : Nhóm B;
- Loại công trình : Công trình giao thông.
- Cấp kỹ thuật : III (theo TCVN 4054:2005);
- Cấp quản lý : cấp II (theo thông tư 03/2016/TT-BXD).

10. Số bước thiết kế: 2 bước.

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

11.1. Bình đồ thiết kế:

Bình đồ thiết kế tuyến đường bám theo tim đường hiện hiện hữu. Tuy nhiên có 02 đoạn đường trên tuyến được thiết kế tim tuyến đi khác với tim đường hiện hữu cụ thể như sau:

- Đoạn từ đầu tuyến đến cống Suối Hùng (Km0+000 – Km4+800): tim đường mới được thiết kế lệch sang trái theo hướng tuyến từ 3-6m (tùy theo từng đoạn).

- Đoạn qua cầu K8 (từ Km5+500 - Km6+800): Tim tuyến đường mới được thiết thiết kế lệch về bên phải để đấu nối vào cầu K8 mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m.

11.2. Trắc dọc thiết kế dựa vào:

- Cao độ các tuyến đường hiện hữu.

- Điều kiện địa hình và đặc điểm thủy văn của khu vực xây dựng công trình.

- Trắc dọc thiết kế đảm bảo kết nối với các hạng mục công trình khác trong khu vực, đảm bảo cao độ chung của toàn khu vực đồng thời hạn chế tối đa khối lượng đào đắp.

- Các điểm khống chế cao độ:

+ Cao độ đầu tuyến: giao với đường 784 tại ngã ba Đất Sét;

+ Cao độ cuối tuyến tại đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh;

11.3. Quy mô mặt cắt ngang thiết kế: được thiết kế thành 02 đoạn

*** Đoạn 1**: từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88, dài 6.751,88m mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng mặt đường : 4x 3,5m=14,0m.
- Chiều rộng dải phân cách : 1,0m (bố trí chiếu sáng trên dải phân cách).
- Chiều rộng lề đường : 2x0,5m = 1,0m.
- Chiều rộng nền đường : 16,0m.

*** Đoạn 2**: từ đầu tuyến Km6+751,88 đến cuối tuyến Km13+729,26, dài 6.977,38m mặt cắt ngang đường như sau:

- Chiều rộng mặt đường : 2x 3,5m=7,0m.
- Chiều rộng lề gia cố : 2x2,0m = 4,0m.
- Chiều rộng lề đường : 2x0,5m = 1,0m.
- Chiều rộng nền đường : 12,0m.

*** Độ dốc ngang toàn tuyến được thiết kế:**

- Độ dốc ngang mặt đường : 2%.
- Độ dốc ngang lề đường : 4%.

- Mái dốc taluy nền đường đào : 1/1.
- Mái dốc taluy nền đường đắp : 1/1.5.

11.4. Kết cấu áo đường từ trên xuống được thiết kế như sau:

a. Phần mặt đường:

*** Mặt đường mở rộng và đường mới:**

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.
- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm
- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98
- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

*** Mặt đường cũ cải tạo:**

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.
- Bù vênh mặt đường bằng đá 4x6 chèn chèn đá dăm.
- Cày xới mặt đường hiện hữu (tạo bám).

b. Phần lề gia cố cùng kết cấu mặt đường mở rộng:

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.
- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm
- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98
- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

c. Phần lề đường:

- Đắp sỏi đỏ đến cao độ thiết kế, dày 30cm, độ chặt K>=0,98.
- Đắp đất chọn lọc (cấp II) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95.
- Đào bóc lớp đất hữu cơ.

11.5. Nút giao thiết kế:

- Nút giao với đường tỉnh: Trên tuyến có 1 nút giao với đường tỉnh là nút giao đầu tuyến giao với đường ĐT.784 (tại ngã ba Đất Sét) được thiết kế hoàn chỉnh và kết cấu áo đường như kết cấu áo đường phần đường chính.

- Nút giao với đường huyện, đường xã và đường dân sinh: Được thiết kế vuốt nối êm thuận và kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

+ Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.

+ Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 30cm

+ Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98

11.6. Phần hệ thống thoát nước:

*** Hệ thống thoát nước ngang:** Nối dài các cống còn tốt và thay mới các cống ngang hiện hữu đã xuống cấp bằng cống có tải trọng H30 được sản xuất tại nhà máy theo công nghệ quay ly tâm kết hợp va rung. Riêng tại Km4+793 thay mới cống hộp 3x1.6mx1.6m thoát nước cho cống thủy lợi suối Hùng, tại Km7+517 thay mới cống hộp 2mx2m và tại Km13+526 thay mới cống hộp 2x3mx3m.

*** Hệ thống thoát nước dọc:**

- Thoát nước nước dọc chủ yếu bằng rãnh đào hình tam giác, cao độ đáy rãnh thấp hơn cao độ vai đường 0,60m.

- Đối với các đoạn qua các khu đông dân cư - bố trí các rãnh BTCT rộng 50cm, sâu từ 0.4 đến khoảng 1m và được bố trí nắp đậy đan. Các rãnh này được dẫn tới các cống ngang, từ đó đưa nước tới các kênh, mương hoặc các khu vực trũng.

11.7. Phần cầu (cầu K8): Xây dựng cầu mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m tại Km5+860,99, cầu làm bằng BTCT dự ứng lực sử dụng dầm Super-T, chiều dài nhịp Ln= 40m, móng mố dùng cọc khoan nhồi Ø120cm với các nội dung như sau:

- Tổng chiều dài cầu : 41,2m.
- Tải trọng thiết kế : HL-93.
- Số làn xe : 4 làn.
- Chiều rộng 1 làn xe : 3,5 m.
- Chiều rộng phần xe ôtô : 4 x 3,5 = 14,0 m.
- Chiều rộng phần xe thô sơ : 2 x 0,5 = 1,0 m.
- Chiều rộng gờ lan can : 2 x 0,5 = 1,0 m.
- Bề rộng cầu tổng cộng : 16,0 m.

11.8. Hệ thống chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng đoạn 1 từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88 (điểm cuối đoạn chỉnh tuyến) với chiều dài 6.751,88m.

11.9. Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông gồm: cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan trên tuyến được thiết kế theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016.

12. Thiết bị công nghệ: không có.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: thể hiện trong hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi.

14. Tổng mức đầu tư: 320.068.408.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn đồng.

Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
Chi phí bồi thường GPMB	37.206.146.848
Chi phí xây dựng	224.256.350.952
Chi phí quản lý dự án	3.268.026.642
Chi phí tư vấn	8.423.429.920
Chi phí khác	15.195.962.755
Chi phí dự phòng	31.718.490.883
Tổng mức đầu tư (làm tròn)	**320.068.408.000**

15.Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện dự án: năm 2018 – 2021.

18. Thời hạn sử dụng công trình: Theo quy định của cấp công trình.

19. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 30/KQTĐ-SGTVT ngày 26/10/2017 của Sở Giao thông Vận tải.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm: Tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này, theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Sở Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Châu Thành; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và PCT;
- Chủ đầu tư (03 bản QĐ);
- LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

Hiếu-KT2-QĐ ĐS-BC

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

ĐƯỜNG ĐẤT SÉT - BẾN CỦI

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị Sau thuế	Ký hiệu	Văn bản hướng dẫn
1	**Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**	Tạm tính			**37.206.146.848**	$G_{BT,TĐC}$	
	- Đoạn từ Km0+000 - Km6+ 751.88				31.949.649.669		
	- Đoạn từ Km6+751.88 - Km9+ 600				2.836.676.758		
	- Đoạn từ Km9+600 - Km13+ 729.26				2.419.820.421		
2	**Chi phí xây dựng**	$G_{XDĐ}+G_{XDC}$	203.869.409.957	20.386.940.995	224.256.350.952	G_{XD}	
	- Phần đường	Bảng tổng hợp CPXD	191.573.010.009	19.157.301.000	210.730.311.009	$G_{XDĐ}$	
	- Phần cầu	Bảng tổng hợp CPXD	12.296.399.948	1.229.639.995	13.526.039.943	G_{XDC}	
3	**Chi phí quản lý dự án**	(GXD+GTB)*1,603%	3.268.026.642		3.268.026.642	G_{QLDA}	QĐ 79/QĐ-BXD
4	**Chi tư vấn đầu tư xây dựng**	**TV1+...+TV15**	**7.657.663.564**	**765.766.356**	**8.423.429.920**	G_{TV}	
1	Chi phí lập dự án đầu tư	(GXD+GTB)*0,27%	550.447.407	55.044.741	605.492.148	TV1	QĐ 79/QĐ-BXD
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	GXD*1,099%	2.240.524.815	224.052.482	2.464.577.297	TV2	QĐ 79/QĐ-BXD
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	GXD*0,073%	148.824.669	14.882.467	163.707.136	TV3	QĐ 79/QĐ-BXD
4	Chi phí thẩm tra dự toán	GXD*0,069%	140.669.893	14.066.989	154.736.882	TV4	QĐ 79/QĐ-BXD
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	TV5.1+TV5.2	122.015.842	12.201.584	134.217.426	TV5	QĐ 79/QĐ-BXD
5.1	+ Chi phí lập hồ sơ mời thầu	(GXD+K11)*0,026%	55.656.349	5.565.635	61.221.984	TV5.1	QĐ 79/QĐ-BXD
5.2	+ Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	(GXD+K11)*0,031%	66.359.493	6.635.949	72.995.442	TV5.2	QĐ 79/QĐ-BXD
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu KS, lập TKBVTC	(TV2+TV10)*0,587%	17.426.164	1.742.616	19.168.780	TV6	QĐ 79/QĐ-BXD
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	GXD*1,269%	2.587.102.812	258.710.281	2.845.813.094	TV7	QĐ 79/QĐ-BXD
8	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo khả thi	Theo hợp đồng	315.476.364	31.547.636	347.024.000	TV8	
9	Chi phí khảo sát bổ sung bước lập báo cáo khả thi	Theo đề cương được duyệt	180.961.818	18.096.182	199.058.000	TV9	
10	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	Theo bảng dự trù	728.157.273	72.815.727	800.973.000	TV10	
11	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	TV10*3%	21.844.718	2.184.472	24.029.190	TV11	QĐ 79/QĐ-BXD
12	Chi phí giám sát khảo sát	TV10*4,072%	29.650.564	2.965.056	32.615.621	TV12	QĐ 79/QĐ-BXD
13	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	Theo dự toán riêng	248.817.273	24.881.727	273.699.000	TV13	
14	Chi phí báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo dự toán riêng	301.614.770	30.161.477	331.776.247	TV14	
15	Chi phí thẩm tra dự toán báo cáo ĐGTĐMT	Theo dự toán riêng	24.129.182	2.412.918	26.542.100	TV15	

ĐƯỜNG ĐẤT SÉT - BẾN CỦI

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị Sau thuế	Ký hiệu	Văn bản hướng dẫn
5	**Chi phí khác**	**K1+...+K11**	**13.951.391.263**	**1.226.571.493**	**15.195.962.755**	**G_K**	
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính)	12729*20/10000*40 000 000	1.018.320.000		1.018.320.000	K1	
2	Chi phí bảo hiểm công trình đường	(GXDĐ+K11.1)*0,27%	543.109.483	54.310.948	597.420.432	K2	TT329/2016/TT-BTC
3	Chi phí bảo hiểm công trình cầu	(GXDC+K11.2)*0,6%	77.467.320	7.746.732	85.214.052	K3	TT329/2016/TT-BTC
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TMĐT*0,292%x50%	467.299.876		467.299.876	K3	TT09/2016/TT-BTC
4	Chi phí kiểm toán	TMĐT*0,437%	1.398.698.943	139.869.894	1.538.568.837	K4	TT09/2016/TT-BTC
5	Phí thẩm định Dự án đầu tư	TMĐT*0,009%	28.806.157		28.806.157	K5	TT 209/2016/TT-BTC
6	Phí thẩm định thiết kế	GXD*0,043%	87.663.846		87.663.846	K6	TT 210/2016/TT-BTC
7	Phí thẩm định dự toán	GXD*0,041%	83.586.458		83.586.458	K7	TT 210/2016/TT-BTC
8	Chi phí thẩm định HS mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	Mức tối đa	50.000.000	5.000.000	55.000.000	K8	NĐ 63/NĐ-CP
9	Chi phí thẩm định HS mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu KS, lập TKBVTC	(TV2+TV10)*0,1%	2.968.682	296.868	3.265.550	K9	NĐ 63/NĐ-CP
10	Phí thẩm định báo cáo ĐGTĐMT	Theo dự toán riêng			18.000.000	K10	
11	Chi phí hạng mục chung	K11.1+K11.2	10.193.470.498	1.019.347.050	11.212.817.548	K11	
	- Phần đường	Xem bảng tính	9.578.650.500	957.865.050	10.536.515.550	K11.1	
	- Phần cầu	Xem bảng tính	614.819.997	61.482.000	676.301.997	K11.2	
6	**Chi phí dự phòng**	**GDP1+GDP2**	**28.834.991.712**	**2.883.499.171**	**31.718.490.883**	**G_{DP}**	
	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(GBTTĐC+GXD+GTB+GQLDA+GTV+GK)*10%	28.834.991.712	2.883.499.171	31.718.490.883	G_{DP1}	
7	**TỔNG CỘNG**	**1+ 2 + 3 + 4 + 5 +6**	**257.581.483.137**	**25.262.778.015**	**320.068.408.000**	**G_{XDCT}**	

UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** Số: 134 /TTr- SGTVT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2017*

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đất Sét – Bến Củi

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sở Giao thông Vận tải Tây Ninh nhận được tờ trình số 142/TTr-BQLDA ngày 24/10/2017 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đất Sét – Bến Củi;

Căn cứ quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định: "1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền thẩm định dự án, đồng thời là cơ quan trực thuộc người quyết định đầu tư của dự án có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt. Các trường hợp còn lại, người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt".

Sau khi xem xét tổng hợp, Sở Giao thông Vận tải báo cáo và trình UBND tỉnh các nội dung sau:

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Căn cứ văn bản số 131/HĐND-KTNS ngày 24/10/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Căn cứ kết quả thẩm định dự án Đường Đất Sét –Bến Củi số 30/TB-SGTVT ngày 26/10/2017 của Sở Giao thông Vận tải.

II. Thông tin chung về dự án đầu tư

1. Tên dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi.

2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh.

4. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến.

5. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình:

+ Cấp hạng kỹ thuật: Đường cấp III, đồng bằng (theo TCVN 4054:2005);

+ Cấp công trình: Cấp II (theo thông tư 03/2016/TT-BXD);

6. Mục tiêu đầu tư: Đường Đất Sét - Bến Củi được xác định là một dự án trọng điểm của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế, tuyến đường kết nối giao thông giữa tỉnh Tây Ninh đi Bình Dương, TP.HCM, sân bay Long Thành và khu vực cảng biển Cái Mép Thị Vải. Nên việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường là rất cần thiết, cần sớm hoàn thành đưa công trình vào sử dụng để phát huy hiệu quả kinh tế.

7. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tổng chiều dài tuyến (cả đường và cầu) 13.729,26m:

+ Điểm đầu tại Ngã ba Đất Sét (giao với đường ĐT.784);

+ Điểm cuối tại đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh.

- Tốc độ tính toán: 80Km/h.

- Tải trọng xe thiết kế: Tải trọng trục đơn 120KN.

- Moduyn đàn hồi yêu cầu: Eyc >= 170MPa.

- Tải trọng thiết kế cầu HL93 theo 22 TCN 272:05, tải trọng lề bộ hành 3x10-3Mpa.

- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: H30-XB80.

8.Thời gian thực hiện: Năm 2018-2021.

9.Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng;

9.1. Địa điểm xây dựng: huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

9.2. Diện tích đất sử dụng: khoảng 238.775m².

III. Thiết kế cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:

1. Bình đồ thiết kế:

Bình đồ thiết kế tuyến đường bám theo tim đường hiện hiện hữu. Tuy nhiên có 02 đoạn đường trên tuyến được thiết kế tim tuyến đi khác với tim đường hiện hữu cụ thể như sau:

- Đoạn từ đầu tuyến đến cống Suối Hùng (Km0+000 – Km4+800): tim đường mới được thiết kế lệch sang trái theo hướng tuyến từ 3-6m (tùy theo từng đoạn).

- Đoạn qua cầu K8 (từ Km5+500 - Km6+800): Tim tuyến đường mới được thiết thiết kế lệch về bên phải để đấu nối vào cầu K8 mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m.

2. Trắc dọc thiết kế dựa vào:

- Cao độ các tuyến đường hiện hữu.

- Cao độ các tuyến đường hiện hữu.

- Điều kiện địa hình và đặc điểm thủy văn của khu vực xây dựng công trình.

- Trắc dọc thiết kế đảm bảo kết nối với các hạng mục công trình khác trong khu vực, đảm bảo cao độ chung của toàn khu vực đồng thời hạn chế tối đa khối lượng đào đắp.

- Các điểm khống chế cao độ:

+ Cao độ đầu tuyến: giao với đường 784 tại ngã ba Đất Sét;

+ Cao độ cuối tuyến tại đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh;

3. Quy mô mặt cắt ngang thiết kế: được thiết kế thành 02 đoạn

* Đoạn 1 từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88, dài 6.751,88m mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng mặt đường : 4x 3,5m=14,0m.
- Chiều rộng dải phân cách : 1,0m.
- Chiều rộng lề đường : 2x0,5m = 1,0m.
- Chiều rộng nền đường : 16,0m.

* Đoạn 2 từ đầu tuyến Km6+751,88 đến cuối tuyến Km13+729,26, dài 6.977,38m mặt cắt ngang đường như sau:

- Chiều rộng mặt đường : 2x 3,5m=7,0m.
- Chiều rộng lề gia cố : 2x2,0m = 4,0m
- Chiều rộng lề đường : 2x0,5m = 1,0m
- Chiều rộng nền đường : 12,0m.

* Độ dốc ngang toàn tuyến được thiết kế:

- Độ dốc ngang mặt đường : 2%.
- Độ dốc ngang lề đường : 4%.
- Mái dốc taluy nền đường đào : 1/1.
- Mái dốc taluy nền đường đắp :1/1.5.

4.Kết cấu áo đường từ trên xuống được thiết kế như sau:

4.1. Phần mặt đường:

*** Mặt đường mở rộng và đường mới:**

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.
- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm
- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98
- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

*** Mặt đường cũ cải tạo:**

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.
- Bù vênh mặt đường bằng đá 4x6 chèn chèn đá dăm.
- Cày xới mặt đường hiện hữu (tạo bám).

4.2. Phần lề gia cố cùng kết cấu mặt đường mở rộng:

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.

- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm

- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98

- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

4.3. Phần lề đường:

- Đắp sỏi đỏ đến cao độ thiết kế, dày 30cm, độ chặt K>=0,98.

- Đắp đất chọn lọc (cấp II) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95.

- Đào bóc lớp đất hữu cơ.

5. Nút giao thiết kế:

- Nút giao với đường tỉnh: Trên tuyến có 1 nút giao với đường tỉnh là nút giao đầu tuyến giao với đường ĐT.784 (tại ngã ba Đất Sét) được thiết kế hoàn chỉnh và kết cấu áo đường như kết cấu áo đường phần đường chính.

- Nút giao với đường huyện, đường xã và đường dân sinh: Được thiết kế vuốt nối êm thuận và kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

+ Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.

+ Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m2.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 30cm

+ Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98

6. Phần hệ thống thoát nước:

*** Hệ thống thoát nước ngang:** Nối dài các cống còn tốt và thay mới các cống ngang hiện hữu đã xuống cấp bằng cống có tải trọng H30 được sản xuất tại nhà máy theo công nghệ quay ly tâm kết hợp va rung. Riêng tại Km4+793 thay mới cống hộp 3x1.6mx1.6m thoát nước cho cống thủy lợi suối Hùng, tại Km7+517 thay mới cống hộp 2mx2m và tại Km13+526 thay mới cống hộp 2x3mx3m.

*** Hệ thống thoát nước dọc:**

- Thoát nước nước dọc chủ yếu bằng rãnh đào hình tam giác, cao độ đáy rãnh thấp hơn cao độ vai đường 0,60m.

- Đối với các đoạn qua các khu đông dân cư - bố trí các rãnh BTCT rộng 50cm, sâu từ 0.4 đến khoảng 1m và được bố trí nắp đậy đan. Các rãnh này được dẫn tới các cống ngang, từ đó đưa nước tới các kênh, mương hoặc các khu vực trũng.

(Lý trình, khẩu độ, chiều dài cống, rãnh BTCT thể hiện trong hồ sơ dự án).

7. Phần cầu (cầu K8): Xây dựng cầu mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m tại Km5+860,99, cầu làm bằng BTCT dự ứng lực sử dụng dầm Super-T, chiều dài nhịp Ln= 40m, móng mố dùng cọc khoan nhồi Ø120cm với các nội dung như sau:

- Tổng chiều dài cầu : 41,2m.
- Tải trọng thiết kế : HL-93.
- Số làn xe : 4 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe : 3,5 m.
- Chiều rộng phần xe ôtô : 4 x 3,5 = 14,0 m.
- Chiều rộng phần xe thô sơ : 2 x 0,5 = 1,0 m.
- Chiều rộng gờ lan can : 2 x 0,5 = 1,0 m.
- Bề rộng cầu tổng cộng : 16,0 m.

8. Hệ thống chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng đoạn 1 từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88 (điểm cuối đoạn chỉnh tuyến) với chiều dài 6.751,88m.

9. Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông gồm: cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan trên tuyến được thiết kế theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016.

10. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263 – 2000;
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;
- Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman TCVN 8867:2011;
- Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013;
- Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-05;
- Quy trình thiết kế áo đường mềm 22TCN 211-06;
- Quy chuẩn thiết kế áo đường cứng 22TCN 223-95;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN-272-05;
- Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845: 2013;
- Quy phạm thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22TCN 18-79;
- Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;
- Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5575:2012;
- Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957-2008;
- Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước TCVN 9113:2012;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT;
- Công trình xây dựng – Tổ chức thi công TCVN 4055:2012;
- Công tác đất – Thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;
- Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác.

11. Yêu cầu về nguồn lực, vận hành sử dụng công trình; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ: thể hiện trong hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi.

12. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư:

12.1.Tổng mức đầu tư trình phê duyệt: 320.068.408.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn đồng.

Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
Chi phí bồi thường GPMB	37.206.146.848
Chi phí xây dựng	224.256.350.952
Chi phí quản lý dự án	3.268.026.642
Chi phí tư vấn	8.423.429.920
Chi phí khác	15.195.962.755
Chi phí dự phòng	31.718.490.883
Tổng mức đầu tư (làm tròn)	**320.068.408.000**

12.2.Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Sở Giao thông Vận tải kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đất Sét – Bến Củi với các nội dung nêu trên, để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQLDAĐTXD ngành GT;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Tấn Tài

UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 30 /TB-SGTVT	*Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2017*

Kết quả thẩm định dự án Đường Đất Sét –Bến Củi.

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sở Giao thông Vận tải Tây Ninh nhận được Tờ trình số 142/TTr-BQLDA ngày 24/10/2017 của Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự: Đường Đất Sét – Bến Củi do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến lập ;

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến, Sở Giao thông Vận tải thông báo kết quả thẩm định dự án như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi.

2. Nhóm dự án, loại, cấp:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp hạng kỹ thuật: Đường cấp III, đồng bằng (theo TCVN 4054:2005).
- Cấp công trình: Cấp II (theo thông tư 03/2016/TT-BXD).

3. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh.

Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ: Số 209 đường 30/4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Điện thoại: 0276.3822152 Fax: 0276.3820383

5. Địa điểm xây dựng: huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

6. Giá trị tổng mức đầu tư trình thẩm định: 320.068.408.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn đồng*).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

8. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263 – 2000;

+ Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;

+ Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman TCVN 8867:2011;

+ Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013;

+ Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-05;

+ Quy trình thiết kế áo đường mềm 22TCN 211-06;

+ Quy chuẩn thiết kế áo đường cứng 22TCN 223-95;

+ Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN-272-05;

+ Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845: 2013;

+ Quy phạm thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22TCN 18-79;

+ Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;

+ Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5575:2012;

+ Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957-2008;

+ Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước TCVN 9113:2012;

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT;

+ Công trình xây dựng – Tổ chức thi công TCVN 4055:2012;

+ Công tác đất – Thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;

+ Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

+ Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác.

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến.

11. Các thông tin khác: Không.

II. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN:

1. Văn bản pháp lý:

- Văn bản số 131/HĐND-KTNS ngày 24/10/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Quyết định số 82/QĐ-SGTVT ngày 16/6/2011 của Sở Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Quyết định số 99/QĐ-SGTVT ngày 16/6/2011 của Sở Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu bước chuẩn bị đầu tư dự án Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Quyết định số 118/QĐ-SGTVT ngày 15/8/2011 của Sở Giao thông Vận tải về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư, dự án Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Quyết định số 126/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2011 của Sở Giao thông Vận tải Phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn gói thầu số 1– Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư, dự án Đường Đất Sét – Bến Củi ;

- Quyết định 160/QĐ-SGTVT ngày 01/8/2013 của Sở GTVT về việc phê duyệt kinh phí khảo sát bổ sung dự án Đường Đất Sét – Bến Củi;

- Phụ lục hợp đồng kinh tế số 84/PLHĐ-DAĐT ngày 01/8/2013 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Giao thông Tây Ninh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến ;

- Văn bản số 159/BQLDA ngày 21/8/2017 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh về việc lập hồ sơ dự án đầu tư Đường Đất Sét – Bến Củi;

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

- Tập Báo cáo kết quả khảo sát địa hình;
- Tập Báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình;
- Tập Thuyết minh dự án-Tổng mức đầu tư;
- Tập Bản vẽ thiết kế cơ sở;

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

- Hồ sơ năng lực của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến.

- Hợp đồng kinh tế số 38/2011/HĐ-DAĐT ngày 21/9/2011 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Giao thông Tây Ninh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Tiến.

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH:

Nội dung cơ bản của hồ sơ dự án trình thẩm định được gửi kèm theo 142/TTr-BQLDA ngày 24/10/2017 của Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Tên dự án: Đường Đất Sét – Bến Củi

* Tổng chiều dài tuyến (cả đường và cầu) 13.729,26m.

- Điểm đầu: Ngã ba Đất Sét (giao với đường ĐT.784).

- Điểm cuối: Đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh.

2. Dự án có yêu cầu kỹ thuật chính như sau:

- Cấp hạng kỹ thuật: Đường cấp III, đồng bằng (theo TCVN 4054:2005).

- Cấp công trình: Cấp II (theo thông tư 03/2016/TT-BXD).

- Tốc độ tính toán: 80Km/h.

- Tải trọng xe thiết kế: Tải trọng trục đơn 120KN.

- Moduyn đàn hồi yêu cầu: E_{yc} >= 170MPa.

- Tải trọng thiết kế cầu HL93 theo 22 TCN 272:05, tải trọng lề bộ hành $3x10^{-3}$Mpa.

- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: H30-XB80.

- Tần suất thiết kế công trình thoát nước: 4%.

- Tầm nhìn dừng xe : L_{stop} = 100 m

- Tầm nhìn 2 chiều : L_{2ch} = 200 m

- Bán kính đường cong bằng tối thiểu thông thường : R_{mintt} = 400 m.

- Bán kính đường cong bằng tối thiểu giới hạn : R_{mingh} = 250 m.

- Độ dốc siêu cao lớn nhất : i_{scmax} = 8%

- Độ dốc dọc lớn nhất : I_{max} = 5%.

- Bán kính đường cong lồi tối thiểu thông thường : $R_{lồimin}$ = 5000 m

- Bán kính đường cong lồi tối thiểu giới hạn : $R_{lồigh}$ = 4000 m

- Bán kính đường cong lõm tối thiểu thông thường : $R_{lõmmin}$ = 3000 m

- Bán kính đường cong lõm tối thiểu giới hạn : $R_{lõmgh}$ = 2000 m

3. Quy mô mặt cắt ngang đường được thiết kế thành 02 đoạn:

* Đoạn 1 từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88, dài 6.751,88m mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng mặt đường: 4x 3,5m=14,0m.

- Dải phân cách cứng : = 1,0m

- Chiều rộng lề đường: 2x0,5m = 1,0m

- Chiều rộng nền đường: 16m.

* Đoạn 2 từ đầu tuyến Km6+751,88 đến cuối tuyến Km13+729,26, dài 6.977,38m mặt cắt ngang đường như sau:

- Chiều rộng mặt đường: 2x 3,5m=7,0m.

- Chiều rộng lề gia cố: 2x2,0m = 4,0m

- Chiều rộng lề đường: 2x0,5m = 1,0m

- Chiều rộng nền đường: 12m.

* Độ dốc ngang toàn tuyến được thiết kế:

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

- Độ dốc ngang lề đường: 4%.

- Mái dốc taluy nền đường đào: 1/1.

- Mái dốc taluy nền đường đắp: 1/1.5.

4. Trắc dọc thiết kế đường dựa vào:

- Cao độ các tuyến đường hiện hữu.

- Điều kiện địa hình và đặc điểm thủy văn của khu vực xây dựng công trình.

- Trắc dọc thiết kế đảm bảo kết nối với các hạng mục công trình khác trong khu vực, đảm bảo cao độ chung của toàn khu vực đồng thời hạn chế tối đa khối lượng đào đắp.

- Các điểm khống chế cao độ:

+ Cao độ đầu tuyến: giao với đường 784 tại ngã ba Đất Sét;

+ Cao độ cuối tuyến tại đầu mố cầu Bến Củi, phía Tây Ninh;

5. Kết cấu áo đường từ trên xuống được thiết kế như sau:

5.1 Phần mặt đường:

* Mặt đường mở rộng và đường mới:

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.

- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m^2.

- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.

- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m^2.

- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm

- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98

- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

* Mặt đường cũ cải tạo:

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m^2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m^2.
- Bù vênh mặt đường bằng đá 4x6 chèn chèn đá dăm.
- Cày xới mặt đường hiện hữu (tạo bám).

5.2 Phần lề gia cố cùng kết cấu mặt đường mở rộng:

- Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m^2.
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 8cm.
- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m^2.
- Đá 4x6 chèn đá dăm dày 40cm
- Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98
- Đắp đất chọn lọc đạt độ chặt theo quy định của quy trình.

5.3 Phần lề đường:

- Đắp sỏi đỏ đến cao độ thiết kế, dày 30cm, độ chặt K>=0,98.
- Đắp đất chọn lọc (cấp II) đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt K $\geq$ 0,95.
- Đào bóc lớp đất hữu cơ.

6. Bình đồ thiết kế đường: Bình đồ thiết kế tuyến đường bám theo tim đường hiện hiện hữu. Tuy nhiên có 02 đoạn đường trên tuyến được thiết kế tim tuyến đi khác với tim đường hiện hữu cụ thể như sau:

* Đoạn từ đầu tuyến đến cống Suối Hùng (Km0+000 – Km4+800): tim đường mới được thiết kế lệch sang trái theo hướng tuyến từ 3-6m (tùy theo từng đoạn).

* Đoạn qua cầu K8 (từ Km5+500 - Km6+800): Tim tuyến đường mới được thiết thiết kế lệch về bên phải để đấu nối vào cầu K8 mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m.

7. Nút giao thiết kế:

- Nút giao với đường tỉnh: Trên tuyến có 1 nút giao với đường tỉnh là nút giao đầu tuyến giao với đường ĐT.784 (tại ngã ba Đất Sét) được thiết kế hoàn chỉnh và kết cấu áo đường như kết cấu áo đường phần đường chính.

- Nút giao với đường huyện, đường xã và đường dân sinh: Được thiết kế vuốt nối êm thuận và kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

+ Bê tông nhựa nóng C12.5 dày 6cm.

+ Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1 kg/m^2.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 30cm

+ Đắp sỏi đỏ dày 30cm, độ chặt K>=0,98

8. Phần hệ thống thoát nước:

* Hệ thống thoát nước ngang: Nối dài các cống còn tốt và thay mới các cống ngang hiện hữu đã xuống cấp bằng cống có tải trọng H30 được sản xuất tại nhà máy theo công nghệ quay ly tâm kết hợp va rung. Riêng tại Km4+793 thay mới cống hộp 3x1.6mx1.6m thoát nước cho cống thủy lợi suối Hùng, tại Km7+517 thay mới cống hộp 2mx2m và tại Km13+526 thay mới cống hộp 2x3mx3m.

* Hệ thống thoát nước dọc:

- Thoát nước nước dọc chủ yếu bằng rãnh đào hình tam giác, cao độ đáy rãnh thấp hơn cao độ vai đường 0,60m.

- Đối với các đoạn qua các khu đông dân cư - bố trí các rãnh BTCT rộng 50cm, sâu từ 0.4 đến khoảng 1m và được bố trí nắp đậy đan. Các rãnh này được dẫn tới các cống ngang, từ đó đưa nước tới các kênh, mương hoặc các khu vực trũng.

(Lý trình, khẩu độ, chiều dài cống, rãnh BTCT thể hiện trong hồ sơ dự án).

9. Phần cầu (cầu K8): Xây dựng cầu mới cách cầu K8 cũ về phía hạ lưu 60m tại Km5+860,99, cầu làm bằng BTCT dự ứng lực sử dụng dầm Super-T, chiều dài nhịp Ln= 40m, móng mố dùng cọc khoan nhồi Ø120cm với các nội dung như sau:

+ Tổng chiều dài cầu : 41,2m.

+ Tải trọng thiết kế : HL-93.

+ Số làn xe: 4 làn.

+ Chiều rộng 1 làn xe: 3,5 m.

+ Chiều rộng phần xe ôtô: 4 x 3,5 = 14,0 m.

+ Chiều rộng phần xe thô sơ: 2 x 0,5 = 1,0 m.

+ Chiều rộng gờ lan can: 2 x 0,5 = 1,0 m.

+ Bề rộng cầu tổng cộng: 16,0 m.

10. Hệ thống chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng đoạn 1 từ đầu tuyến Km0+000 đến Km6+751,88 (điểm cuối đoạn chỉnh tuyến) với chiều dài 6.751,88m.

11. Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông gồm: cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan trên tuyến được thiết kế theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016.

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Cơ bản thống nhất nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường Đất Sét – Bến Củi do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành giao thông Tây Ninh làm chủ đầu tư.

- Về thủ tục đất đai: Sau khi được UBND Tỉnh chấp nhận chủ trương, đề nghị chủ đầu tư lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và lập hồ sơ xin giao đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu UBND Tỉnh giao đất theo qui định.

- Về môi trường:

+ Căn cứ theo Phụ lục danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường thì dự án đường Đất Sét - Bến Củi thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó, đề nghị chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

+ Trong phần khái toán tổng mức đầu tư của báo cáo dự án đầu tư, đề nghị chủ đầu tư bổ sung kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, để tính toán, dự trù kinh phí đầu tư cho phù hợp.

2. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa:

- Cơ bản thống nhất nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường Đất Sét – Bến Củi do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng ngành giao thông Tây Ninh làm chủ đầu tư.

- Cao độ đáy dầm cầu (dầm super T) tối thiểu ở cao trình +17.0m trở lên để đảm bảo thông thoáng, thuận lợi cho việc quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN:

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch: phù hợp với quy hoạch tổng thể giao thông vận tải tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 64/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Tây Ninh đường Đất Sét –Bến Củi được quy hoạch là đường cấp III đồng bằng.

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực:

+ Thiết kế cao độ tại vị trí các điểm khống chế phù hợp với hiện trạng. Riêng cao độ đáy dầm cầu K8 theo dự án thiết kế là 16.70 (cao hơn mực nước cao nhất 0.5) là phù hợp, tuy nhiên để đảm bảo thông thoáng, thuận lợi cho việc quản lý vận

hành và duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi, đề nghị trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công nâng cao độ đáy dầm cầu K8 lên 17.0.

+ Đề nghị Ban QLDA ĐTXD Ngành Giao tỉnh Tây Ninh yêu cầu đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ, các bản vẽ trước khi trình phê duyệt.

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về đảm bảo an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

+ Trong hồ sơ dự án đã có đầy đủ các kiến nghị về các giải pháp khắc phục hạn chế ô nhiễm môi trường, giải pháp về phòng chống cháy nổ.

+ Đề nghị Ban QLDA ĐTXD Ngành Giao tỉnh Tây Ninh tổ chức lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế: Phù hợp.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế: Phù hợp.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:

- Khối lượng các loại vật tư chính của dự án đã được tính đầy đủ trong tổng mức đầu tư.

- Sự phù hợp với quy định hiện hành:

+ Tổng mức đầu tư được lập phù hợp với Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Về đơn giá vật liệu, nhân công, xe máy:

* Giá vật liệu: phù hợp với Công bố giá tháng 09/2017 Ban hành kèm theo Công văn số 2793/CB-VLXD-LS ngày 09/10/2017 của liên sở Tài chính - Xây dựng Tây Ninh.

* Giá nhân công: phù hợp với Quyết định 2966/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Công bố Đơn giá nhân công trực tiếp sản xuất xây dựng trên địa bàn tỉnh.

* Giá ca máy: phù hợp với 2967/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Công bố Đơn giá ca máy và thiết bị xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

+ Về phân bổ vốn để tính chi phí dự phòng:

* Phù hợp với Văn bản số 1206/UBND-KTN ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn để tính dự phòng phí do yếu tố trượt giá trong lập dự án đầu tư XDCB.

- Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư được tổng hợp như sau:

+ Tổng mức đầu tư (lấy tròn): 320.068.408.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	TMĐT trình thẩm định	TMĐT sau khi thẩm định	Tăng/Giảm (+/-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	36.375.182.765	37.206.146.848	830.964.083
2	Chi phí xây dựng	220.385.268.709	224.256.350.952	3.871.082.243
3	Chi phí quản lý dự án	3.541.591.268	3.268.026.642	-273.564.626
4	Chi phí tư vấn	10.727.091.408	8.423.429.920	-2.303.661.488
5	Chi phí khác	16.643.139.178	15.195.962.755	-1.447.176.423
6	Chi phí dự phòng	32.396.134.672	31.718.490.883	-677.643.789
	Trong đó:			0
	Chi phí dự phòng khối lượng	32.396.134.672	31.718.490.883	-677.643.789
	Chi phí dự phòng trượt giá			0
7	**Tổng mức đầu tư**	**320.068.408.000**	**320.068.408.000**	0
	Làm tròn	**320.068.408.000**	**320.068.408.000**	0

Nguyên nhân tăng tổng mức đầu tư so với tổng mức đầu tư trình thẩm định:

- Tăng chi phí xây dựng do điều chỉnh khối lượng thiết kế và điều chỉnh thiết kế cống tại Km7+517 theo yêu cầu cử tri xã Bến Củi từ nối dài cống Ø1000 thành thay mới cống hộp 2mx2m.

- Điều chỉnh giảm các khoản chi theo đúng quy định như: Chi phí tư vấn, chi phí khác và chi phí dự phòng.

Ghi chú: Chi phí giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, đánh giá tác động môi trường, chi phí thiết kế bản vẽ thi công – dự toán là tạm tính, đề nghị Chủ đầu tư lập thủ tục, hồ sơ trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt riêng.

3. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm định:

a. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư:

- Báo cáo có đánh giá sự quan trọng của tuyến đường trong hệ thống giao thông của khu vực huyện Dương Minh Châu. Đánh giá hiện trạng tuyến, những khó khăn tồn tại trong việc khai thác, kết nối hạ tầng và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

- Đường Đất Sét Bến Củi, huyện Dương Minh Châu là một trong những tuyến đường chính, huyết mạch của hệ thống mạng lưới giao thông nối liền hai

huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh và huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương, kết nối giao thông giữa đường ĐT.784 với đường ĐT.789 đến địa phận Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương và huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hiện trạng tuyến đường nhỏ hẹp và đang xuống cấp nên việc giao thông khu vực là hết sức khó khăn.

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải Tây Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 64/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh.

b. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án: Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.

c. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án: Việc đưa công trình vào khai thác sử dụng sẽ tạo động lực phát triển cho toàn bộ địa phương có tuyến đường đi qua nói riêng và cả khu vực nói chung trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, đi lại, vệ sinh môi trường và tổ chức sinh hoạt của người dân đều theo hướng thuận lợi hơn, văn minh hơn, tiện nghi và hiện đại hơn.

IV. KẾT LUẬN:

Dự án Đường Đất Sét Bến Củi đủ điều kiện để trình duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là thông báo của Sở Giao thông Vận tải về kết quả thẩm định dự án Đường Đất Sét Bến Củi, Kính trình UBND tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH TÂY NINH

Lê Ngọc Ẩn

Nơi nhận:
-Như trên;
- Ban QLDA (t/dõi,t/hiện);
-Lưu VT, QLCLCTGT.